TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2023
V/v tranh chấp HNGĐ- ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nguyên;

Ông Trần Ngọc Đằng;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp HNGĐ - ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Hữu T, sinh ngày 16/8/1991;

HKTT: Thôn X, xã H, huyện H, Quảng Trị.

Địa chỉ liên lạc: Unit 10/15-25 Edgar stess, Tempe, NSW, 2036, Australia.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày 31/01/1991;

Địa chỉ: Số 459, khóm 1, thị trấn L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Lê Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Minh T1 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Anh Lê Hữu T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Minh T1 kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Giấy chứng nhận kết hôn số 157 ngày 18/12/2019; Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi với nhau; bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Cuối năm 2019, Anh T sang Úc làm việc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay; Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng vẫn không tiến triển. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, vun đắp cho gia đình, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Nay anh Lê Hữu T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh T1.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 23/11/2019; Hiện con chung đang sống chung với Chị T1; Khi ly hôn Anh T đồng ý để chị Minh T1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung; Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng với số tiền là 25.000.000đồng, đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động được.

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

Anh T có đơn yêu cầu được giải quyết vắng mặt anh trong các lần hòa giải cũng như trong các phiên tòa.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của Anh T về ngày tháng kết hôn cũng như mâu thuẫn của vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắng được nên đồng ý ly hôn với anh Lê Hữu T

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 23/11/2019; Hiện con chung đang sống chung với Chị T1; Khi ly hôn chị Minh T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung; yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 25.000.000đồng, đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: không có;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Anh Lê Hữu T và Chị Nguyễn Thị Minh T1 có kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; Giấy chứng nhận kết hôn số 157 ngày 18/12/2019, việc kết hôn của Anh T và Chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam và công dân nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam; Theo quy định tại Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của anh Lê Hữu T về việc xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh T1. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa Anh T và Chị T1 là có tìm hiểu trước; quen nhau được một thời gian thì rồi quyết định tiến tới hôn nhân; Sau khi kết hôn, Anh T và Chị T1 sinh sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên tranh cãi với nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Cuối năm 2019, Anh T sang Úc làm việc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay; Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng vẫn không tiến triển, nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống vợ chồng của Anh T và Chị T1 đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Anh T yêu cầu được ly hôn với Chị T1 là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Minh Khang, sinh ngày 23/11/2019; Hiện con chung đang sống chung với Chị T1; Khi ly hôn, Anh T đồng ý để chị Minh T1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung; Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 25.000.000đồng, đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động được; Chị T1 cũng đồng ý tiếp tục nuôi con chung và đồng ý với việc cấp dưỡng nuôi con chung của Anh T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của Anh T và Chị T1, cụ thể như sau:

Giao con chung tên Lê Minh Kháng sinh ngày 23/11/2019 cho Chị T1 được tiếp tục nuôi dưỡng; Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng số tiền 25.000.0000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động được.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và Chị T1 đều xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Hữu T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh T1;

+ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Anh T và Chị T1, cụ thể như sau:

Anh T đồng ý giao con chung tên Lê Minh K sinh ngày 23/11/2019 cho Chị T1 được tiếp tục nuôi dưỡng; Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng số tiền 25.000.0000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, tự lao động được.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và Chị T1 đều xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Hữu T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 00014097 ngày 09/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên Anh T phải nộp thêm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

- Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV-THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh